|  |  |
| --- | --- |
| **BỘ TÀI CHÍNH--------** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAMĐộc lập - Tự do - Hạnh phúc ---------------** |
| Số: 1863/QĐ-BTC | *Hà Nội, ngày 14 tháng 9 năm 2015* |

**QUYẾT ĐỊNH**

VỀ VIỆC CÔNG BỐ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC QUẢN LÝ THUẾ THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA BỘ TÀI CHÍNH

**BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH**

*Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23/12/2013 của Chính phủ quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính và Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;*

*Căn cứ Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011,­­ Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế;*

*Căn cứ Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.*

*Căn cứ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ;*

*Xét đề nghị của* *Tổng cục trưởng Tổng cục Thuế và Vụ trưởng Vụ Pháp chế Bộ Tài chính,*

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này mười chín (19) thủ tục hành chínhsửa đổi, thay thế trong lĩnh vực Quản lý thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính *(Phụ lục kèm theo)*.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01/01/2015.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Pháp chế Bộ Tài chính, Tổng cục Trưởng Tổng cục Thuế, Cục trưởng Cục Tin học và Thống kê Tài chính và thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***- Như Điều 3;- Lãnh đạo Bộ;- Cục Kiểm soát TTHC (Bộ Tư pháp);- Website Bộ Tài chính;- Lưu: VT, TCT(VT, PC (3b)). | **KT. BỘ TRƯỞNGTHỨ TRƯỞNG****Đỗ Hoàng Anh Tuấn** |

**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH SỬA ĐỔI, THAY THẾ, BÃI BỎ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1863/QĐ-BTC ngày 14 tháng 9 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**Phần I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH**

**1. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, thay thế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính**

|  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **STT** | **Số hồ sơ TTHC** | **Tên thủ tục hành chính** | **Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, thay thế** | **Lĩnh vực** | **Cơ quan thực hiện** |
| **A. Thủ tục hành chính cấp Tổng cục Thuế** |
| 1 |  | ………… |  |  |  |
| 2 |  | ………… |  |  |  |
| **B. Thủ tục hành chính cấp Cục Thuế** |
| 1 |  | Khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ | Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 | Thuế | Cục Thuế |
| 2 |  | Khai thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu. | Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 | Thuế | Cục Thuế |
| 3 |  | Khai thuế tiêu thụ đặc biệt | Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 | Thuế | Cục Thuế |
| 4 |  | Thông báo phát hành hóa đơn | Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 | Thuế | Cục Thuế |
| 5 |  | Báo cáo về việc nhận in/cung cấp phần mềm tự in hóa đơn | Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 | Thuế | Cục Thuế |
| 6 |  | Khai thuế GTGT đối với cơ sở sản xuất thủy điện không thuộc EVN | Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 | Thuế | Cục Thuế |
| 7 |  | Khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài. | Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 | Thuế | Cục Thuế |
| 8 |  | Miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định đối với hãng vận tải nước ngoài. | Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 | Thuế | Cục Thuế |
| 9 |  | Hoàn thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần. | Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 | Thuế | Cục Thuế |
| 10 |  | Gia hạn nộp thuế | Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 | Thuế | Cục Thuế |
| 11 |  | Không tính tiền chậm nộp/ Miễn tiền chậm nộp tiền thuế. | Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 | Thuế | Cục Thuế |
| **C. Thủ tục hành chính cấp Chi cục Thuế** |
| 1 |  | Khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ thuế | Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 | Thuế | Chi cục Thuế |
| 2 |  | Khai thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu. | Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 | Thuế | Chi cục Thuế |
| 3 |  | Khai thuế tiêu thụ đặc biệt | Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 | Thuế | Chi cục Thuế |
| 4 |  | Thông báo phát hành hóa đơn | Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 | Thuế | Chi cục Thuế |
| 5 |  | Báo cáo về việc nhận in/cung cấp phần mềm tự in hóa đơn | Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 | Thuế | Chi cục Thuế |
| 6 |  | Khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài. | Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 | Thuế | Chi cục Thuế |
| 7 |  | Gia hạn nộp thuế | Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 | Thuế | Chi cục Thuế |
| 8 |  | Không tính tiền chậm nộp/ Miễn tiền chậm nộp tiền thuế. | Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/02/2015 | Thuế | Chi cục Thuế |

**Phần II**

**NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA BỘ TÀI CHÍNH**

**A. Thủ tục hành chính cấp Tổng cục Thuế.**

**...**

**B. Thủ tục hành chính cấp Cục Thuế.**

**I. Thủ tục hành chính mới.**

**…**

**II. Thủ tục hành chính sửa đổi, thay thế.**

**1. Khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ**

**- Trình tự thực hiện**:

+ Bước 1. Người nộp thuế chuẩn bị số liệu, lập tờ khai và gửi đến cơ quan thuế chậm nhất vào ngày 20 của tháng sau tháng phát sinh (đối với trường hợp khai thuế GTGT theo tháng); chậm nhất vào ngày thứ 30 (ba mươi) của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế (đối với trường hợp khai thuế GTGT theo quý).

+ Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ khai thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

**- Cách thức thực hiện**:

+ Trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+Hoặc gửi bằng văn bản điện tử qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ**:

**+ Thành phần hồ sơ** :

*++ Tờ khai thuế giá trị gia tăng theo mẫu số 01/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính;*

++ Bảng kê số thuế giá trị gia tăng đã nộp của doanh thu kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai, chuyển nhượng bất động sản ngoại tỉnh theo mẫu số 01-5/GTGT ban hành kèm theoThông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

++ Bảng phân bổ thuế GTGT cho địa phương nơi đóng trụ sở chính và cho các địa phương nơi có cơ sở sản xuất trực thuộc không thực hiện hạch toán kế toán (nếu có) theo mẫu số 01-6/GTGT ban hành kèm theoThông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

*++ Bảng phân bổ số thuế GTGT phải nộp cho các địa phương nơi có công trình xây dựng, lắp đặt liên tỉnh theo mẫu số 01-7/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính.*

**+ Số lượng hồ sơ**: 01 (bộ)

**- Thời hạn giải quyết**: Không *phải* trả kết quả cho người nộp thuế.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Người nộp thuế tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế theo quy định của pháp luật về thuế GTGT.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Cục Thuế.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

**- Lệ phí** (nếu có): Không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**: *Tờ khai thuế giá trị gia tăng theo mẫu số 01/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính;*

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**(nếu có): trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

+ Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011,­­ Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế;

*+ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*

*+ Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.*

***- Mẫu biểu kèm theo***



**2. Khai thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu**

**- Trình tự thực hiện**:

+ Bước 1. Người nộp thuế chuẩn bị số liệu, lập tờ khai và gửi đến cơ quan thuế chậm nhất vào ngày 20 của tháng sau tháng phát sinh (đối với trường hợp khai thuế GTGT theo tháng); chậm nhất vào ngày thứ 30 (ba mươi) của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế (đối với trường hợp khai thuế GTGT theo quý).

+ Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ khai thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

**- Cách thức thực hiện**:

+ Trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+Hoặc gửi bằng văn bản điện tử qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ**:

**+ Thành phần hồ sơ** :

++ Tờ khai thuế giá trị gia tăng theo mẫu số 04/GTGT ban hành kèm theoThông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

**+ Số lượng hồ sơ**: 01 (bộ)

**- Thời hạn giải quyết**: Không *phải* trả kết quả cho người nộp thuế.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Người nộp thuế khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu theo quy định của pháp luật về thuế GTGT.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Cục Thuế.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

**- Lệ phí** (nếu có): Không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**: Tờ khai thuế giá trị gia tăng theo mẫu số 04/GTGT ban hành kèm theoThông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**(nếu có): trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

+ Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011,­­ Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế;

*+ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*

*+ Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.*

***- Mẫu biểu kèm theo***



**3. Khai thuế tiêu thụ đặc biệt**

**- Trình tự thực hiện**:

+ Bước 1. Người nộp thuế chuẩn bị số liệu, lập tờ khai và gửi đến cơ quan thuế chậm nhất vào ngày 20 của tháng sau tháng phát sinh. Đối với hàng hóa mua để xuất khẩu nhưng được bán trong nước thì khai theo lần phát sinh.

+ Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ khai thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

**- Cách thức thực hiện**:

+ Trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+Hoặc gửi bằng văn bản điện tử qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ**:

**+ Thành phần hồ sơ**:

++ Tờ khai thuế TTĐB theo mẫu số 01/TTĐB ban hành kèm theoThông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

**+ Số lượng hồ sơ**: 01 (bộ)

**- Thời hạn giải quyết**: Không *phải* trả kết quả cho người nộp thuế.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Người nộp thuế khai thuế TTĐB theo quy định của pháp luật về thuế GTGT.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Cục Thuế.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

**- Lệ phí** (nếu có): Không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**: Tờ khai thuế TTĐB theo mẫu số 01/TTĐB ban hành kèm theoThông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**(nếu có): trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

*+ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*

*+ Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.*

***Mẫu biểu kèm theo***

****

**4. Thông báo phát hành hóa đơn**

**- Trình tự thực hiện**:

+ Bước 1. Tổ chức kinh doanhtrước khi sử dụng hoá đơn cho việc bán hàng hoá, dịch vụ (trừ hóa đơn được mua, cấp tại cơ quan thuế)phải lập và gửi Thông báo phát hành hoá đơn (kèm theo hoá đơn mẫu) đến cơ quan Thuế quản lý trực tiếp, chậm nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức kinh doanh bắt đầu sử dụng hóa đơn và trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ký thông báo phát hành.

Khi thay đổi địa chỉ kinh doanh dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp, tổ chức kinh doanh phải gửi Thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế nơi chuyển đến (trường hợp tổ chức kinh doanh tiếp tục sử dụng số hóa đơn đã phát hành chưa sử dụng hết thì phải nộp Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn cho cơ quan thuế nơi chuyển đi và đóng dấu địa chỉ mới lên hóa đơn, gửi đến cơ quan thuế nơi chuyển đến Bảng kê hóa đơn chưa sử dụng theo Mẫu 3.10 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC ).

+ Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ khai thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

Trường hợp khi nhận được Thông báo phát hành hoá đơn do tổ chức gửi đến, cơ quan Thuế phát hiện Thông báo không đảm bảo đủ nội dung theo đúng quy định thì trong thời hạn ba (03)ngày làm việc kể từ ngày nhận được Thông báo, cơ quan thuế phải có văn bản thông báo cho tổ chức biết. Tổ chức có trách nhiệm điều chỉnh để lập và gửi Thông báo phát hành hoá đơn mới.

**- Cách thức thực hiện**:

+ Trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+Hoặc gửi bằng văn bản điện tử qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ**:

**+ Thành phần hồ sơ**:

++ Thông báo phát hành hóa đơn theo *Mẫu TB01/AC* *ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC.*

++ Hoá đơn mẫu (đối với trường hợp thông báo phát hành lần đầu và các lần tiếp theo nếu có sự thay đổi về nội dung và hình thức hóa đơn phát hành).

+ Bảng kê hóa đơn chưa sử dụng theo Mẫu 3.10 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC (áp dụng đối với trường hợp tổ chức, hộ, cá nhân chuyển địa điểm kinh doanh).

**+ Số lượng hồ sơ**: 01 (bộ)

**- Thời hạn giải quyết**: Không phải trả kết quả cho người nộp thuế.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Cục Thuế.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

**- Lệ phí** (nếu có): Không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**:

+Thông báo phát hành hóa đơn theo *Mẫu TB01/AC* *ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC.*

+ Hoá đơn mẫu (đối với trường hợp thông báo phát hành lần đầu và các lần tiếp theo nếu có sự thay đổi về nội dung và hình thức hóa đơn phát hành).

+ Bảng kê hóa đơn chưa sử dụng theo Mẫu 3.10 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC (áp dụng đối với trường hợp tổ chức, hộ, cá nhân chuyển địa điểm kinh doanh).

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**(nếu có): trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

+ Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 của Chính Phủ;

##### + Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

*+ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*

*+ Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.*

**- *Mẫu biểu kèm theo***

********

**5. Báo cáo về việc nhận in/cung cấp phần mềm tự in hóa đơn**

**- Trình tự thực hiện**:

+ Bước 1. Tổ chức nhận in hóa đơn/cung ứng phần mềm tự in hóa đơn cho tổ chức kinh doanh hoặc Cục Thuế phải nộp báo cáo về việc nhận in/cung ứng phần mềm tự tin hóa đơn cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo Quý (Quý I nộp chậm nhất là ngày 30/4; Quý II nộp chậm nhất là ngày 30/7; Quý III nộp chậm nhất là ngày 30/10 và Quý IV nộp chậm nhất là ngày 30/01 của năm sau).

+ Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ khai thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

**- Cách thức thực hiện**:

+ Trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+Hoặc gửi bằng văn bản điện tử qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ**:

**+ Thành phần hồ sơ**: *Báo cáo về việc nhận in/cung cấp phần mềm tự in hóa đơn theo mẫu BC01/AC ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC.*

**+ Số lượng hồ sơ**: 01 (bộ)

**- Thời hạn giải quyết**: Không *phải* trả kết quả cho người nộp thuế.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Cục Thuế.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

**- Lệ phí** (nếu có): Không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**: *Báo cáo về việc nhận in/cung cấp phần mềm tự in hóa đơn theo mẫu BC01/AC ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC.*

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**(nếu có): trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

+ Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 của Chính Phủ;

##### + Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

*+ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*

*+ Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.*

***Mẫu biểu kèm theo***

****

**6. Khai thuế GTGT đối với cơ sở sản xuất thủy điện không thuộc EVN**

**- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1. Cơ sở sản xuất thủy điện không thuộc EVN, lập tờ khai và gửi đến cơ quan thuế nơi đóng trụ sở chính chậm nhất vào ngày thứ hai mươi hàng tháng.

Đồng thời sao gửi Tờ khai thuế GTGT cho các Cục Thuế địa phương nơi được hưởng nguồn thu thuế GTGT (đối với trường trường hợp nhà máy thuỷ điện nằm chung trên địa bàn các tỉnh).

+ Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ khai thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

**- Cách thức thực hiện:**

+ Gửi trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế.

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

+ Hoặc gửi bằng văn bản điện tử qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**+ Thành phần hồ sơ:**

*++ Tờ khai thuế GTGT theo Mẫu số 01/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC.*

++ Bảng kê số thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất thủy điện mẫu số 01-1/TĐ-GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC (nếu có - trường hợp cơ sở sản xuất thủy điện có nhà máy thủy điện tại địa bàn tỉnh, thành phố khác nơi cơ sở sản xuất thủy điện đóng trụ sở chính, vừa có hoạt động sản xuất thủy điện vừa có hoạt động kinh doanh khác).

++ Bảng phân bổ số thuế GTGT phải nộp của cơ sở sản xuất thủy điện cho các địa phương mẫu số 01-2/TĐ-GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC (nếu có - trường hợp nhà máy thủy điện nằm chung trên địa bàn các tỉnh).

**+ Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

**- Thời hạn giải quyết:** Không phải trả kết quả cho người nộp thuế.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Cơ sở sản xuất thủy điện.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Thuế.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

**- Lệ phí (nếu có):** Không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):**

*++ Tờ khai thuế GTGT theo Mẫu số 01/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC.*

++ Bảng kê số thuế GTGT phải nộp của hoạt động sản xuất thủy điện mẫu số 01-1/TĐ-GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC (nếu có - trường hợp cơ sở sản xuất thủy điện có nhà máy thủy điện tại địa bàn tỉnh, thành phố khác nơi cơ sở sản xuất thủy điện đóng trụ sở chính, vừa có hoạt động sản xuất thủy điện vừa có hoạt động kinh doanh khác).

++ Bảng phân bổ số thuế GTGT phải nộp của cơ sở sản xuất thủy điện cho các địa phương mẫu số 01-2/TĐ-GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC (nếu có - trường hợp nhà máy thủy điện nằm chung trên địa bàn các tỉnh).

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

*+ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại* [*Nghị định*](http://vnaahp.vn/nghi-dinh-1062010nd-cp-bo-sung-nghi-dinh-852007nd-cp/) *12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*

*+ Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.*

**- Mẫu biểu kèm theo.**



**7. Khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài**

**- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1**.Tổ chức làm đại lý tàu biển hoặc đại lý giao nhận vận chuyển hàng hóa cho các hãng vận tải nước ngoài (sau đây gọi chung là đại lý của hãng vận tải) có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho các hãng vận tải nước ngoài.

Hồ sơ khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài được nộp cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp bên đại lý của hãng vận tải.

Khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài là *tạm nộp theo quý và quyết toán theo năm.*

**Bước 2**. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

+ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

+ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

+ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ khai thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

**- Cách thức thực hiện:**

+ Trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc gửi bằng văn bản điện tử qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**+ Thành phần hồ sơ:**

- Tờ khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài theo Mẫu số 01/VTNN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- Bảng kê thu nhập vận tải quốc tế dành cho trường hợp doanh nghiệp khai thác tàu theo mẫu số 01-1/VTNN, Bảng kê thu nhập vận tải quốc tế dành cho trường hợp hoán đổi/chia chỗ theo mẫu số 01-2/VTNN, Bảng kê doanh thu lưu công-ten-nơ theo mẫu số 01-3/VTNN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

**+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

- **Thời hạn giải quyết:** Không *phải* trả kết quả cho người nộp thuế.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Thuế

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Hồ sơ gửi đến Cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

**- Lệ phí (nếu có): Không có**

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):**

**+** Tờ khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài theo Mẫu số 01/VTNN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

+ Bảng kê thu nhập vận tải quốc tế dành cho trường hợp doanh nghiệp khai thác tàu theo mẫu số 01-1/VTNN, Bảng kê thu nhập vận tải quốc tế dành cho trường hợp hoán đổi/chia chỗ theo mẫu số 01-2/VTNN, Bảng kê doanh thu lưu công-ten-nơ theo mẫu số 01-3/VTNN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

*+ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại* [*Nghị định*](http://vnaahp.vn/nghi-dinh-1062010nd-cp-bo-sung-nghi-dinh-852007nd-cp/) *12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*

+ Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

***- Mẫu biểu kèm theo***

************

**8. Miễn thuế, giảm thuế theo Hiệp định đối với hãng vận tải nước ngoài**

**- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1:

Hãng vận tải nước ngoài hoặc đại lý của hãng vận tải nước ngoài thuộc diện được miễn thuế, giảm thuế do áp dụng Hiệp định tránh đánh thuế hai lần giữa Việt Nam và nước, vùng lãnh thổ khác lập hồ sơ và gửi đến Cơ quan thuế.

Tại Tờ khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài, hãng vận tải nước ngoài hoặc đại lý của hãng vận tải nước ngoài phải gửi cho cơ quan thuế hồ sơ thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định.

+ Bước 2: Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại Cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của Cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của Cơ quan thuế.

**- Cách thức thực hiện:**

+ Trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế.

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**+ Thành phần hồ sơ:**

++ Thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định theo mẫu số 01/HTQT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC;

++ Bản gốc (hoặc bản chụp đã được chứng thực) Giấy chứng nhận cư trú do Cơ quan thuế của nước, vùng lãnh thổ nơi hãng tàu nước ngoài cư trú cấp cho năm tính thuế ngay trước năm thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định đã được hợp pháp hóa lãnh sự.

Trường hợp hãng vận tải nước ngoài hoặc đại lý của hãng vận tải nước ngoài ủy quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục áp dụng Hiệp định phải nộp thêm bản gốc giấy ủy quyền.

Kết thúc năm, hãng vận tải nước ngoài hoặc đại lý của hãng vận tải nước ngoài gửi cơ quan thuế Giấy chứng nhận cư trú đã được hợp pháp hóa lãnh sự của hãng tàu cho năm đó.

Trường hợp năm trước đó đã thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định, thì các năm tiếp theo, hãng vận tải nước ngoài hoặc đại lý của hãng vận tải nước ngoài chỉ cần thông báo bất kỳ sự thay đổi nào về các thông tin đã thông báo tại mẫu số 01/HTQT của năm trước đó và cung cấp các tài liệu tương ứng với việc thay đổi.

Trường hợp các hãng vận tải nước ngoài có các đại lý tại nhiều địa phương ở Việt Nam hoặc các đại lý của hãng vận tải nước ngoài có các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện (sau đây gọi chung là chi nhánh) tại nhiều địa phương ở Việt Nam thì các hãng vận tải nước ngoài hoặc đại lý của hãng vận tải nước ngoài nộp bản gốc (hoặc bản chụp đã được chứng thực) Giấy chứng nhận cư trú đã hợp pháp hóa lãnh sự cho Cục Thuế địa phương nơi đại lý của hãng vận tải nước ngoài có trụ sở chính; gửi bản chụp Giấy chứng nhận cư trú đã hợp pháp hóa lãnh sự tại các Cục Thuế địa phương nơi hãng vận tải nước ngoài có chi nhánh và ghi rõ nơi đã nộp bản gốc (hoặc bản chụp đã được chứng thực) trong Thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định.

**+ Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

**- Thời hạn giải quyết:** Không phải trả kết quả cho người nộp thuế.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** hãng vận tải nước ngoài, đại lý của hãng vận tải nước ngoài

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Thuế.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Hồ sơ gửi đến Cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

**- Lệ phí (nếu có):** Không.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Thông báo thuộc diện miễn, giảm thuế theo Hiệp định theo mẫu số 01/HTQT

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** không.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

*+ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại* [*Nghị định*](http://vnaahp.vn/nghi-dinh-1062010nd-cp-bo-sung-nghi-dinh-852007nd-cp/) *12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*

**- Mẫu biểu đính kèm:**

****

**9. Hoàn thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần**

**- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1:

Tổ chức, cá nhân thuộc diện hoàn thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần lập hồ sơ và gửi đến Cục Thuế quản lý nơi tổ chức có trụ sở điều hành, nơi cá nhân có cơ sở thường trú hoặc Cục Thuế nơi tổ chức, cá nhân đã nộp số thuế đề nghị hoàn.

+ Bước 2: Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại Cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của Cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của Cơ quan thuế.

**- Cách thức thực hiện:**

+ Trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế.

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**+ Thành phần hồ sơ:**

++ Giấy đề nghị hoàn thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần theo mẫu số 02/ĐNHT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

++ Bản gốc (hoặc bản chụp đã được chứng thực) Giấy chứng nhận cư trú do cơ quan thuế của nước cư trú cấp đã được hợp pháp hóa lãnh sự (ghi rõ là đối tượng cư trú trong năm tính thuế nào).

++ Bản chụp hợp đồng kinh tế, hợp đồng cung cấp dịch vụ; hợp đồng đại lý, hợp đồng uỷ thác; hợp đồng chuyển giao công nghệ hay hợp đồng lao động ký với tổ chức, cá nhân Việt Nam; giấy chứng nhận tiền gửi tại Việt Nam; giấy chứng nhận góp vốn vào Công ty tại Việt Nam (tuỳ theo loại thu nhập trong từng trường hợp cụ thể) có xác nhận của người nộp thuế.

++ Xác nhận của tổ chức, cá nhân Việt Nam ký kết hợp đồng về thời gian và tình hình hoạt động thực tế theo hợp đồng (trừ trường hợp hoàn thuế đối với hãng vận tải nước ngoài).

++ Giấy ủy quyền trong trường hợp tổ chức, cá nhân uỷ quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục áp dụng Hiệp định. Trường hợp tổ chức, cá nhân lập giấy uỷ quyền để uỷ quyền cho đại diện hợp pháp thực hiện thủ tục hoàn thuế vào tài khoản của đối tượng khác cần thực hiện thủ tục hợp pháp hóa lãnh sự (nếu việc uỷ quyền được thực hiện ở nước ngoài) hoặc công chứng (nếu việc uỷ quyền được thực hiện tại Việt Nam) theo quy định.

Trường hợp tổ chức, cá nhân thuộc diện hoàn thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần không thể cung cấp đủ các thông tin hoặc các tài liệu theo yêu cầu của Hồ sơ hoàn thuế theo Hiệp định thì cần giải trình cụ thể tại Giấy đề nghị hoàn thuế theo Hiệp định mẫu số 02/ĐNHT nêu trên để Cơ quan thuế xem xét, quyết định.

**+ Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

**- Thời hạn giải quyết:**

Các trường hợp hoàn thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thuộc diện kiểm tra trước khi hoàn thuế. Riêng đối với các hãng vận tải nước ngoài đề nghị hoàn thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau.

+ Đối với hồ sơ thuộc diện hoàn thuế trước, kiểm tra sau: chậm nhất là 06 (sáu) ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hoàn thuế.

+ Đối với hồ sơ thuộc diện kiểm tra trước, hoàn thuế sau: chậm nhất là 40 (bốn mươi) ngày, kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hoàn thuế.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** tổ chức, cá nhân

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Cục Thuế.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

Cục trưởng Cục Thuế ban hành Quyết định hoàn thuế theo mẫu số 01/QĐHT hoặc Quyết định hoàn thuế kiêm bù trừ thu Ngân sách nhà nước theo mẫu số 02/QĐHT và/hoặc Thông báo về việc không được hoàn thuế theo mẫu số 02/HT-TB ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC gửi người nộp thuế.

**- Lệ phí (nếu có):** Không.

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:** Giấy đề nghị hoàn thuế theo Hiệp định tránh đánh thuế hai lần theo mẫu số 02/ĐNHT ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** không có.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

*+ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại* [*Nghị định*](http://vnaahp.vn/nghi-dinh-1062010nd-cp-bo-sung-nghi-dinh-852007nd-cp/) *12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*

**- Mẫu biểu đính kèm:**



## 10. Gia hạn nộp thuế

## - Trình tự thực hiện:

+ Bước 1. Người nộp thuế thuộc diện được gia hạn nộp thuế lập hồ sơ và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế.

+ Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

**- Cách thức thực hiện**:

- Trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

- Hoặc gửi qua đường bưu chính.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**\* Thành phần hồ sơ:**

+ Văn bản đề nghị gia hạn nộp thuế (tất cả các trường hợp gia hạn)

+ Tài liệu liên quan theo từng trường hợp cụ thể:

(a) Đối với trường hợp bị thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ thì phải có:

++ Biên bản kiểm kê, đánh giá giá trị vật chất thiệt hại do người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế lập;

++ Văn bản xác nhận về việc người nộp thuế có thiệt hại tại nơi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ và thời gian xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ của một trong các cơ quan, tổ chức sau: cơ quan công an; UBND cấp xã, phường; Ban quản lý Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế nơi xảy ra thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ hoặc tổ chức cứu hộ, cứu nạn;

++ Hồ sơ bồi thường thiệt hại được cơ quan bảo hiểm chấp nhận bồi thường (bản sao có công chứng hoặc chứng thực nếu có); hồ sơ quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải bồi thường (bản sao có công chứng hoặc chứng thực nếu có). Đối với người nộp thuế là pháp nhân thì các tài liệu nêu trên phải là bản chính hoặc bản sao có chữ ký của người đại diện theo pháp luật, đóng dấu của đơn vị.

(b) Đối với trường hợp phải ngừng hoạt động do di dời cơ sở sản xuất kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

++ Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh của người nộp thuế;

++ Đề án di dời, kế hoạch và tiến độ thực hiện di dời của người nộp thuế;

++ Tài liệu chứng minh người nộp thuế ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó xác định rõ thời điểm bắt đầu ngừng sản xuất kinh doanh, chi phí di dời, thiệt hại do di dời, ngừng sản xuất kinh doanh gây ra (nếu có).

(c) Đối với trường hợp khó khăn đặc biệt khác:

++ Văn bản của cơ quan thuế quản lý trực tiếp gửi cơ quan thuế cấp trên, trong đó: xácnhận khó khăn đặc biệt và những nguyên nhân gây ra khó khăn đó mà người nộp thuế không có khả năng nộp đúng hạn số tiền thuế nợ theo đề nghị, giải trình của người nộp thuế tại văn bản đề nghị gia hạn;

++ Bản sao các văn bản về gia hạn, xoá nợ, miễn thuế, giảm thuế đối với người nộp thuế của cơ quan thuế ban hành trong thời gian hai (02) năm trước đó (nếu có);

++ Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của người nộp thuế khi thực hiện quyết định (nếu có).

**\* Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ)

**- Thời hạn giải quyết:**

+ 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thuế quản lý trực tiếp phải thông báo bằng văn bản cho người nộp thuế hoàn chỉnh hồ sơ (nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định).

+ 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đề nghị gia hạn của người nộp thuế, cơ quan thuế ban hành thông báo không chấp thuận việc gia hạn nộp thuế hoặc Quyết định gia hạn nộp thuế.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Cục Thuế.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Thông báo không chấp nhận gia hạn nộp thuế mẫu số 04/GHAN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC;

+ Hoặc Quyết định gia hạn nộp thuế mẫu số 02/GHAN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

**- Lệ phí (nếu có):** không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có**): Văn bản đề nghị gia hạn nộp thuế theo Mẫu số 01/GHAN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** không có

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

*+ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại* [*Nghị định*](http://vnaahp.vn/nghi-dinh-1062010nd-cp-bo-sung-nghi-dinh-852007nd-cp/) *12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*

**Mẫu biểu kèm theo.**

****

**11. Không tính tiền chậm nộp/ Miễn tiền chậm nộp tiền thuế**

**- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1. Người nộp thuế thuộc diện được miễn/không tính tiền chậm nộp tiền thuế, lập hồ sơ và gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

Thời hạn gửi hồ sơ đối với trường hợp Miễn tiền chậm nộp tiền thuế là 60 ngày kể từ ngày người nộp thuế gặp thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, dịch bệnh, bệnh hiểm nghèo hoặc trường hợp bất khả kháng khác.

*Đối với trường hợp không tính tiền chậm nộp tiền thuế: Sau khi được ngân sách nhà nước thanh toán, người nộp thuế thực hiện nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước và thông báo cho cơ quan thuế theo mẫu số 02/TCN ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC để cơ quan thuế có cơ sở tính lại các khoản tiền thuế nợ, tiền chậm nộp và xác định chính xác số ngày không phải nộp tiền chậm nộp của người nộp thuế.*

+ Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

*Đối với trường hợp không tính tiền chậm nộp tiền thuế: Cơ quan thuế ban hành quyết định về việc kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế, thời gian kiểm tra tối đa là 03 ngày làm việc.*

**- Cách thức thực hiện**

+ Trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua đường bưu chính.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**+ Thành phần hồ sơ:**

a) Trường hợp (1) Không tính tiền chậm nộp tiền thuế,hồ sơ gồm:

*++ Văn bản xác nhận của đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước về việc người nộp thuế chưa được thanh toán theo mẫu số 01/TCN ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC;*

*++ Thông báo về việc nộp tiền vào NSNN theo Mẫu số 02/TCN ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC.*

b) Trường hợp (2) Miễn tiền chậm nộp tiền thuế, hồ sơ gồm:

++ Văn bản đề nghị miễn tiền chậm nộp của người nộp thuế, trong đó có các nội dung chủ yếu sau: tên, mã số thuế, địa chỉ của người nộp thuế; căn cứ đề nghị xử lý miễn tiền chậm nộp; số tiền chậm nộp đề nghị miễn;

++ Tùy từng trường hợp, hồ sơ đề nghị miễn tiền chậm nộp phải có các tài liệu sau:

(\*) Trường hợp do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ, dịch bệnh, phải có:

- Biên bản xác định mức độ, giá trị thiệt hại về tài sản của cơ quan có thẩm quyền như Hội đồng định giá do Sở Tài chính thành lập, hoặc các công ty định giá chuyên nghiệp cung cấp dịch vụ định giá theo hợp đồng, hoặc Trung tâm định giá của Sở Tài chính;

- Văn bản xác nhận về việc người nộp thuế có thiệt hại tại nơi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ và thời điểm xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, dịch bệnh của một trong các cơ quan, tổ chức sau: công an cấp xã, phường hoặc UBND cấp xã, phường, Ban quản lý Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế nơi xảy ra thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ hoặc tổ chức cứu hộ, cứu nạn;

- Hồ sơ bồi thường thiệt hại được cơ quan bảo hiểm chấp nhận bồi thường (nếu có);

- Hồ sơ quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải bồi thường (nếu có).

(\*) Trường hợp cá nhân bị bệnh hiểm nghèo thì phải có xác nhận đã khám chữa bệnh trên sổ y bạ, thời điểm xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh được thành lập theo quy định của pháp luật; chi phí khám, chữa bệnh có đầy đủ chứng từ theo quy định; hồ sơ thanh toán chi phí khám, chữa bệnh của cơ quan bảo hiểm (nếu có).

(\*) Trường hợp bất khả kháng phải có tài liệu chứng minh nguyên nhân gây ra là do khách quan, bản thân người nộp thuế đã áp dụng hết các biện pháp nhưng không ngăn chặn được thiệt hại hoặc làm cho kết quả sản xuất kinh doanh lỗ.

**+ Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ)

**- Thời hạn giải quyết**: không quy định

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Cục Thuế.

**-** **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

**+** Trường hợp (1):

++ Thông báo về việc người nộp thuế không phải nộp tiền chậm nộp thuế.

++ Hoặc thông báo về việc người nộp thuế phải nộp tiền chậm nộp thuế (thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp) và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo quy định của pháp luật.

**+** Trường hợp (2): Quyết định miễn tiền chậm nộp mẫu số 01/MTCN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

**- Lệ phí (nếu có):** không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có**):

**+** Trường hợp (1):

*++ Văn bản xác nhận của đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước về việc người nộp thuế chưa được thanh toán theo mẫu số 01/TCN ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC;*

*++ Thông báo về việc nộp tiền vào NSNN theo Mẫu số 02/TCN ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC.*

**+** Trường hợp (2): không có.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

*+ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại* [*Nghị định*](http://vnaahp.vn/nghi-dinh-1062010nd-cp-bo-sung-nghi-dinh-852007nd-cp/) *12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*

***- Mẫu biểu kèm theo***

************

***A.* Thủ tục hành chính cấp Chi cục Thuế.**

**I. Thủ tục hành chính mới.**

**…**

**II. Thủ tục hành chính sửa đổi, thay thế.**

**1. Khai thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ**

**- Trình tự thực hiện**:

+ Bước 1. Người nộp thuế chuẩn bị số liệu, lập tờ khai và gửi đến cơ quan thuế chậm nhất vào ngày 20 của tháng sau tháng phát sinh (đối với trường hợp khai thuế GTGT theo tháng); chậm nhất vào ngày thứ 30 (ba mươi) của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế (đối với trường hợp khai thuế GTGT theo quý).

+ Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ khai thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

**- Cách thức thực hiện**:

+ Trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+Hoặc gửi bằng văn bản điện tử qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ**:

**+ Thành phần hồ sơ** :

*++ Tờ khai thuế giá trị gia tăng theo mẫu số 01/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính;*

++ Bảng kê số thuế giá trị gia tăng đã nộp của doanh thu kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai, chuyển nhượng bất động sản ngoại tỉnh theo mẫu số 01-5/GTGT ban hành kèm theoThông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

++ Bảng phân bổ thuế GTGT cho địa phương nơi đóng trụ sở chính và cho các địa phương nơi có cơ sở sản xuất trực thuộc không thực hiện hạch toán kế toán (nếu có) theo mẫu số 01-6/GTGT ban hành kèm theoThông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

*++ Bảng phân bổ số thuế GTGT phải nộp cho các địa phương nơi có công trình xây dựng, lắp đặt liên tỉnh theo mẫu số 01-7/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính.*

**+ Số lượng hồ sơ**: 01 (bộ)

**- Thời hạn giải quyết**: Không *phải* trả kết quả cho người nộp thuế.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Người nộp thuế tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế theo quy định của pháp luật về thuế GTGT.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Chi cục Thuế.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

**- Lệ phí** (nếu có): Không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**: *Tờ khai thuế giá trị gia tăng theo mẫu số 01/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính;*

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**(nếu có): trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

+ Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011,­­ Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế;

*+ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*

*+ Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.*

***- Mẫu biểu kèm theo***

 

**2. Khai thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu**

**- Trình tự thực hiện**:

+ Bước 1. Người nộp thuế chuẩn bị số liệu, lập tờ khai và gửi đến cơ quan thuế chậm nhất vào ngày 20 của tháng sau tháng phát sinh (đối với trường hợp khai thuế GTGT theo tháng); chậm nhất vào ngày thứ 30 (ba mươi) của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế (đối với trường hợp khai thuế GTGT theo quý).

+ Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ khai thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

**- Cách thức thực hiện**:

+ Trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+Hoặc gửi bằng văn bản điện tử qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ**:

**+ Thành phần hồ sơ** :

++ Tờ khai thuế giá trị gia tăng theo mẫu số 04/GTGT ban hành kèm theoThông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

**+ Số lượng hồ sơ**: 01 (bộ)

**- Thời hạn giải quyết**: Không *phải* trả kết quả cho người nộp thuế.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Người nộp thuế khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu theo quy định của pháp luật về thuế GTGT.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Chi cục Thuế.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

**- Lệ phí** (nếu có): Không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**: Tờ khai thuế giá trị gia tăng theo mẫu số 04/GTGT ban hành kèm theoThông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**(nếu có): trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

+ Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011,­­ Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế;

*+ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*

*+ Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.*

***- Mẫu biểu kèm theo***



**3. Khai thuế tiêu thụ đặc biệt**

**- Trình tự thực hiện**:

+ Bước 1. Người nộp thuế chuẩn bị số liệu, lập tờ khai và gửi đến cơ quan thuế chậm nhất vào ngày 20 của tháng sau tháng phát sinh. Đối với hàng hóa mua để xuất khẩu nhưng được bán trong nước thì khai theo lần phát sinh.

+ Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ khai thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

**- Cách thức thực hiện**:

+ Trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+Hoặc gửi bằng văn bản điện tử qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ**:

**+ Thành phần hồ sơ**:

++ Tờ khai thuế TTĐB theo mẫu số 01/TTĐB ban hành kèm theoThông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

**+ Số lượng hồ sơ**: 01 (bộ)

**- Thời hạn giải quyết**: Không *phải* trả kết quả cho người nộp thuế.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Người nộp thuế khai thuế TTĐB theo quy định của pháp luật về thuế GTGT.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Chi cục Thuế.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

**- Lệ phí** (nếu có): Không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**: Tờ khai thuế TTĐB theo mẫu số 01/TTĐB ban hành kèm theoThông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**(nếu có): trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

*+ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*

*+ Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.*

***Mẫu biểu kèm theo***

****

**4. Thông báo phát hành hóa đơn**

**- Trình tự thực hiện**:

+ Bước 1. Tổ chức kinh doanhtrước khi sử dụng hoá đơn cho việc bán hàng hoá, dịch vụ (trừ hóa đơn được mua, cấp tại cơ quan thuế)phải lập và gửi Thông báo phát hành hoá đơn (kèm theo hoá đơn mẫu) đến cơ quan Thuế quản lý trực tiếp, chậm nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức kinh doanh bắt đầu sử dụng hóa đơn và trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ký thông báo phát hành.

Khi thay đổi địa chỉ kinh doanh dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp, tổ chức kinh doanh phải gửi Thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế nơi chuyển đến (trường hợp tổ chức kinh doanh tiếp tục sử dụng số hóa đơn đã phát hành chưa sử dụng hết thì phải nộp Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn cho cơ quan thuế nơi chuyển đi và đóng dấu địa chỉ mới lên hóa đơn, gửi đến cơ quan thuế nơi chuyển đến Bảng kê hóa đơn chưa sử dụng theo Mẫu 3.10 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC ).

+ Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ khai thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

Trường hợp khi nhận được Thông báo phát hành hoá đơn do tổ chức gửi đến, cơ quan Thuế phát hiện Thông báo không đảm bảo đủ nội dung theo đúng quy định thì trong thời hạn ba (03)ngày làm việc kể từ ngày nhận được Thông báo, cơ quan thuế phải có văn bản thông báo cho tổ chức biết. Tổ chức có trách nhiệm điều chỉnh để lập và gửi Thông báo phát hành hoá đơn mới.

**- Cách thức thực hiện**:

+ Trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+Hoặc gửi bằng văn bản điện tử qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ**:

**+ Thành phần hồ sơ**:

++ Thông báo phát hành hóa đơn theo *Mẫu TB01/AC* *ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC.*

++ Hoá đơn mẫu (đối với trường hợp thông báo phát hành lần đầu và các lần tiếp theo nếu có sự thay đổi về nội dung và hình thức hóa đơn phát hành).

+ Bảng kê hóa đơn chưa sử dụng theo Mẫu 3.10 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC (áp dụng đối với trường hợp tổ chức, hộ, cá nhân chuyển địa điểm kinh doanh).

**+ Số lượng hồ sơ**: 01 (bộ)

**- Thời hạn giải quyết**: Không phải trả kết quả cho người nộp thuế.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Chi cục Thuế.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

**- Lệ phí** (nếu có): Không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**:

+Thông báo phát hành hóa đơn theo *Mẫu TB01/AC* *ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC.*

+ Hoá đơn mẫu (đối với trường hợp thông báo phát hành lần đầu và các lần tiếp theo nếu có sự thay đổi về nội dung và hình thức hóa đơn phát hành).

+ Bảng kê hóa đơn chưa sử dụng theo Mẫu 3.10 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC (áp dụng đối với trường hợp tổ chức, hộ, cá nhân chuyển địa điểm kinh doanh).

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**(nếu có): trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

+ Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 của Chính Phủ;

##### + Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

*+ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*

*+ Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.*

**- *Mẫu biểu kèm theo***

****

**5. Báo cáo về việc nhận in/cung cấp phần mềm tự in hóa đơn**

**- Trình tự thực hiện**:

+ Bước 1. Tổ chức nhận in hóa đơn/cung ứng phần mềm tự in hóa đơn cho tổ chức kinh doanh hoặc Cục Thuế phải nộp báo cáo về việc nhận in/cung ứng phần mềm tự tin hóa đơn cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo Quý (Quý I nộp chậm nhất là ngày 30/4; Quý II nộp chậm nhất là ngày 30/7; Quý III nộp chậm nhất là ngày 30/10 và Quý IV nộp chậm nhất là ngày 30/01 của năm sau).

+ Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ khai thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

**- Cách thức thực hiện**:

+ Trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+Hoặc gửi bằng văn bản điện tử qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ**:

**+ Thành phần hồ sơ**: *Báo cáo về việc nhận in/cung cấp phần mềm tự in hóa đơn theo mẫu BC01/AC ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC.*

**+ Số lượng hồ sơ**: 01 (bộ)

**- Thời hạn giải quyết**: Không *phải* trả kết quả cho người nộp thuế.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Chi cục Thuế.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

**- Lệ phí** (nếu có): Không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**: *Báo cáo về việc nhận in/cung cấp phần mềm tự in hóa đơn theo mẫu BC01/AC ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC.*

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**(nếu có): trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

+ Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 của Chính Phủ;

##### + Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

*+ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*

*+ Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.*

***Mẫu biểu kèm theo***

****

**6. Khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài**

**- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1**.Tổ chức làm đại lý tàu biển hoặc đại lý giao nhận vận chuyển hàng hóa cho các hãng vận tải nước ngoài (sau đây gọi chung là đại lý của hãng vận tải) có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho các hãng vận tải nước ngoài.

Hồ sơ khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài được nộp cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp bên đại lý của hãng vận tải.

Khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài là *tạm nộp theo quý và quyết toán theo năm.*

**Bước 2**. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

+ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

+ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

+ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ khai thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

**- Cách thức thực hiện:**

+ Trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc gửi bằng văn bản điện tử qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**+ Thành phần hồ sơ:**

- Tờ khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài theo Mẫu số 01/VTNN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

- Bảng kê thu nhập vận tải quốc tế dành cho trường hợp doanh nghiệp khai thác tàu theo mẫu số 01-1/VTNN, Bảng kê thu nhập vận tải quốc tế dành cho trường hợp hoán đổi/chia chỗ theo mẫu số 01-2/VTNN, Bảng kê doanh thu lưu công-ten-nơ theo mẫu số 01-3/VTNN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

**+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

- **Thời hạn giải quyết:** Không *phải* trả kết quả cho người nộp thuế.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục Thuế

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Hồ sơ gửi đến Cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

**- Lệ phí (nếu có): Không có**

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):**

**+** Tờ khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài theo Mẫu số 01/VTNN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

+ Bảng kê thu nhập vận tải quốc tế dành cho trường hợp doanh nghiệp khai thác tàu theo mẫu số 01-1/VTNN, Bảng kê thu nhập vận tải quốc tế dành cho trường hợp hoán đổi/chia chỗ theo mẫu số 01-2/VTNN, Bảng kê doanh thu lưu công-ten-nơ theo mẫu số 01-3/VTNN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

*+ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại* [*Nghị định*](http://vnaahp.vn/nghi-dinh-1062010nd-cp-bo-sung-nghi-dinh-852007nd-cp/) *12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*

+ Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

***- Mẫu biểu kèm theo***



***7. Gia hạn nộp thuế***

## - Trình tự thực hiện:

+ Bước 1. Người nộp thuế thuộc diện được gia hạn nộp thuế lập hồ sơ và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế.

+ Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

**- Cách thức thực hiện**:

- Trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

- Hoặc gửi qua đường bưu chính.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**\* Thành phần hồ sơ:**

+ Văn bản đề nghị gia hạn nộp thuế (tất cả các trường hợp gia hạn)

+ Tài liệu liên quan theo từng trường hợp cụ thể:

(a) Đối với trường hợp bị thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ thì phải có:

++ Biên bản kiểm kê, đánh giá giá trị vật chất thiệt hại do người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế lập;

++ Văn bản xác nhận về việc người nộp thuế có thiệt hại tại nơi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ và thời gian xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ của một trong các cơ quan, tổ chức sau: cơ quan công an; UBND cấp xã, phường; Ban quản lý Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế nơi xảy ra thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ hoặc tổ chức cứu hộ, cứu nạn;

++ Hồ sơ bồi thường thiệt hại được cơ quan bảo hiểm chấp nhận bồi thường (bản sao có công chứng hoặc chứng thực nếu có); hồ sơ quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải bồi thường (bản sao có công chứng hoặc chứng thực nếu có). Đối với người nộp thuế là pháp nhân thì các tài liệu nêu trên phải là bản chính hoặc bản sao có chữ ký của người đại diện theo pháp luật, đóng dấu của đơn vị.

(b) Đối với trường hợp phải ngừng hoạt động do di dời cơ sở sản xuất kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

++ Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh của người nộp thuế;

++ Đề án di dời, kế hoạch và tiến độ thực hiện di dời của người nộp thuế;

++ Tài liệu chứng minh người nộp thuế ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó xác định rõ thời điểm bắt đầu ngừng sản xuất kinh doanh, chi phí di dời, thiệt hại do di dời, ngừng sản xuất kinh doanh gây ra (nếu có).

(c) Đối với trường hợp khó khăn đặc biệt khác:

++ Văn bản của cơ quan thuế quản lý trực tiếp gửi cơ quan thuế cấp trên, trong đó: xácnhận khó khăn đặc biệt và những nguyên nhân gây ra khó khăn đó mà người nộp thuế không có khả năng nộp đúng hạn số tiền thuế nợ theo đề nghị, giải trình của người nộp thuế tại văn bản đề nghị gia hạn;

++ Bản sao các văn bản về gia hạn, xoá nợ, miễn thuế, giảm thuế đối với người nộp thuế của cơ quan thuế ban hành trong thời gian hai (02) năm trước đó (nếu có);

++ Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của người nộp thuế khi thực hiện quyết định (nếu có).

**\* Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ)

**- Thời hạn giải quyết:**

+ 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thuế quản lý trực tiếp phải thông báo bằng văn bản cho người nộp thuế hoàn chỉnh hồ sơ (nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định).

+ 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đề nghị gia hạn của người nộp thuế, cơ quan thuế ban hành thông báo không chấp thuận việc gia hạn nộp thuế hoặc Quyết định gia hạn nộp thuế.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Chi cục Thuế.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Thông báo không chấp nhận gia hạn nộp thuế mẫu số 04/GHAN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC;

+ Hoặc Quyết định gia hạn nộp thuế mẫu số 02/GHAN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

**- Lệ phí (nếu có):** không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có**): Văn bản đề nghị gia hạn nộp thuế theo Mẫu số 01/GHAN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** không có

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

*+ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại* [*Nghị định*](http://vnaahp.vn/nghi-dinh-1062010nd-cp-bo-sung-nghi-dinh-852007nd-cp/) *12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*

**Mẫu biểu kèm theo**

****

**8. Không tính tiền chậm nộp/ Miễn tiền chậm nộp tiền thuế**

**- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1. Người nộp thuế thuộc diện được miễn/không tính tiền chậm nộp tiền thuế, lập hồ sơ và gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

Thời hạn gửi hồ sơ đối với trường hợp Miễn tiền chậm nộp tiền thuế là 60 ngày kể từ ngày người nộp thuế gặp thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, dịch bệnh, bệnh hiểm nghèo hoặc trường hợp bất khả kháng khác.

*Đối với trường hợp không tính tiền chậm nộp tiền thuế: Sau khi được ngân sách nhà nước thanh toán, người nộp thuế thực hiện nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước và thông báo cho cơ quan thuế theo mẫu số 02/TCN ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC để cơ quan thuế có cơ sở tính lại các khoản tiền thuế nợ, tiền chậm nộp và xác định chính xác số ngày không phải nộp tiền chậm nộp của người nộp thuế.*

+ Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

*Đối với trường hợp không tính tiền chậm nộp tiền thuế: Cơ quan thuế ban hành quyết định về việc kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế, thời gian kiểm tra tối đa là 03 ngày làm việc.*

**- Cách thức thực hiện**

+ Trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua đường bưu chính.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**+ Thành phần hồ sơ:**

a) Trường hợp (1) Không tính tiền chậm nộp tiền thuế,hồ sơ gồm:

*++ Văn bản xác nhận của đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước về việc người nộp thuế chưa được thanh toán theo mẫu số 01/TCN ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC;*

*++ Thông báo về việc nộp tiền vào NSNN theo Mẫu số 02/TCN ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC.*

b) Trường hợp (2) Miễn tiền chậm nộp tiền thuế, hồ sơ gồm:

++ Văn bản đề nghị miễn tiền chậm nộp của người nộp thuế, trong đó có các nội dung chủ yếu sau: tên, mã số thuế, địa chỉ của người nộp thuế; căn cứ đề nghị xử lý miễn tiền chậm nộp; số tiền chậm nộp đề nghị miễn;

++ Tùy từng trường hợp, hồ sơ đề nghị miễn tiền chậm nộp phải có các tài liệu sau:

(\*) Trường hợp do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ, dịch bệnh, phải có:

- Biên bản xác định mức độ, giá trị thiệt hại về tài sản của cơ quan có thẩm quyền như Hội đồng định giá do Sở Tài chính thành lập, hoặc các công ty định giá chuyên nghiệp cung cấp dịch vụ định giá theo hợp đồng, hoặc Trung tâm định giá của Sở Tài chính;

- Văn bản xác nhận về việc người nộp thuế có thiệt hại tại nơi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ và thời điểm xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, dịch bệnh của một trong các cơ quan, tổ chức sau: công an cấp xã, phường hoặc UBND cấp xã, phường, Ban quản lý Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế nơi xảy ra thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ hoặc tổ chức cứu hộ, cứu nạn;

- Hồ sơ bồi thường thiệt hại được cơ quan bảo hiểm chấp nhận bồi thường (nếu có);

- Hồ sơ quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải bồi thường (nếu có).

(\*) Trường hợp cá nhân bị bệnh hiểm nghèo thì phải có xác nhận đã khám chữa bệnh trên sổ y bạ, thời điểm xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh được thành lập theo quy định của pháp luật; chi phí khám, chữa bệnh có đầy đủ chứng từ theo quy định; hồ sơ thanh toán chi phí khám, chữa bệnh của cơ quan bảo hiểm (nếu có).

(\*) Trường hợp bất khả kháng phải có tài liệu chứng minh nguyên nhân gây ra là do khách quan, bản thân người nộp thuế đã áp dụng hết các biện pháp nhưng không ngăn chặn được thiệt hại hoặc làm cho kết quả sản xuất kinh doanh lỗ.

**+ Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ)

**- Thời hạn giải quyết**: không quy định

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Chi cục Thuế.

**-** **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

**+** Trường hợp (1):

++ Thông báo về việc người nộp thuế không phải nộp tiền chậm nộp thuế.

++ Hoặc thông báo về việc người nộp thuế phải nộp tiền chậm nộp thuế (thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp) và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo quy định của pháp luật.

**+** Trường hợp (2): Quyết định miễn tiền chậm nộp mẫu số 01/MTCN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

**- Lệ phí (nếu có):** không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có**):

**+** Trường hợp (1):

*++ Văn bản xác nhận của đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước về việc người nộp thuế chưa được thanh toán theo mẫu số 01/TCN ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC;*

*++ Thông báo về việc nộp tiền vào NSNN theo Mẫu số 02/TCN ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC.*

**+** Trường hợp (2): không có.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không có.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

*+ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại* [*Nghị định*](http://vnaahp.vn/nghi-dinh-1062010nd-cp-bo-sung-nghi-dinh-852007nd-cp/) *12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*

***- Mẫu biểu kèm theo***

******

**1. Khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ**

**- Trình tự thực hiện**:

+ Bước 1. Người nộp thuế chuẩn bị số liệu, lập tờ khai và gửi đến cơ quan thuế chậm nhất vào ngày 20 của tháng sau tháng phát sinh (đối với trường hợp khai thuế GTGT theo tháng); chậm nhất vào ngày thứ 30 (ba mươi) của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế (đối với trường hợp khai thuế GTGT theo quý).

+ Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ khai thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

**- Cách thức thực hiện**:

+ Trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+Hoặc gửi bằng văn bản điện tử qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ**:

**+ Thành phần hồ sơ**:

*++ Tờ khai thuế giá trị gia tăng theo mẫu số 01/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính;*

++ Bảng kê số thuế giá trị gia tăng đã nộp của doanh thu kinh doanh xây dựng, lắp đặt, bán hàng vãng lai, chuyển nhượng bất động sản ngoại tỉnh theo mẫu số 01-5/GTGT ban hành kèm theoThông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

++ Bảng phân bổ thuế GTGT cho địa phương nơi đóng trụ sở chính và cho các địa phương nơi có cơ sở sản xuất trực thuộc không thực hiện hạch toán kế toán (nếu có) theo mẫu số 01-6/GTGT ban hành kèm theoThông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

*++ Bảng phân bổ số thuế GTGT phải nộp cho các địa phương nơi có công trình xây dựng, lắp đặt liên tỉnh theo mẫu số 01-7/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính.*

**+ Số lượng hồ sơ**: 01 (bộ)

**- Thời hạn giải quyết**: Không *phải* trả kết quả cho người nộp thuế.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Người nộp thuế tính thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ thuế theo quy định của pháp luật về thuế GTGT.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Chi cục Thuế.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

**- Lệ phí** (nếu có): Không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**: *Tờ khai thuế giá trị gia tăng theo mẫu số 01/GTGT ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính;*

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**(nếu có): trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

+ Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011,­­ Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế;

*+ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*

*+ Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.*

***- Mẫu biểu kèm theo***



**2. Khai thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu.**

**- Trình tự thực hiện**:

+ Bước 1. Người nộp thuế chuẩn bị số liệu, lập tờ khai và gửi đến cơ quan thuế chậm nhất vào ngày 20 của tháng sau tháng phát sinh (đối với trường hợp khai thuế GTGT theo tháng); chậm nhất vào ngày thứ 30 (ba mươi) của quý tiếp theo quý phát sinh nghĩa vụ thuế (đối với trường hợp khai thuế GTGT theo quý).

+ Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ khai thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

**- Cách thức thực hiện**:

+ Trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+Hoặc gửi bằng văn bản điện tử qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ**:

**+ Thành phần hồ sơ**: Tờ khai thuế giá trị gia tăng theo mẫu số 04/GTGT ban hành kèm theoThông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

**+ Số lượng hồ sơ**: 01 (bộ)

**- Thời hạn giải quyết**: Không *phải* trả kết quả cho người nộp thuế.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Người nộp thuế khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp trực tiếp trên doanh thu theo quy định của pháp luật về thuế GTGT.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Chi cục Thuế.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

**- Lệ phí** (nếu có): Không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**: Tờ khai thuế giá trị gia tăng theo mẫu số 04/GTGT ban hành kèm theoThông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**(nếu có): trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

+ Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/01/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011,­­ Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế;

*+ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*

*+ Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.*

***- Mẫu biểu kèm theo***



**3. Khai thuế tiêu thụ đặc biệt**

**- Trình tự thực hiện**:

+ Bước 1. Người nộp thuế chuẩn bị số liệu, lập tờ khai và gửi đến cơ quan thuế chậm nhất vào ngày 20 của tháng sau tháng phát sinh. Đối với hàng hóa mua để xuất khẩu nhưng được bán trong nước thì khai theo lần phát sinh.

+ Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ khai thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

**- Cách thức thực hiện**:

+ Trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+Hoặc gửi bằng văn bản điện tử qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ**:

**+ Thành phần hồ sơ**: Tờ khai thuế TTĐB theo mẫu số 01/TTĐB ban hành kèm theoThông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

**+ Số lượng hồ sơ**: 01 (bộ)

**- Thời hạn giải quyết**: Không *phải* trả kết quả cho người nộp thuế.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:**

Người nộp thuế khai thuế TTĐB theo quy định của pháp luật về thuế GTGT.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Chi cục Thuế.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

**- Lệ phí** (nếu có): Không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**: Tờ khai thuế TTĐB theo mẫu số 01/TTĐB ban hành kèm theoThông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**(nếu có): trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ.

*+ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*

*+ Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.*

***Mẫu biểu kèm theo***

****

**4. Thông báo phát hành hóa đơn**

**- Trình tự thực hiện**:

+ Bước 1. Tổ chức kinh doanhtrước khi sử dụng hoá đơn cho việc bán hàng hoá, dịch vụ (trừ hóa đơn được mua, cấp tại cơ quan thuế)phải lập và gửi Thông báo phát hành hoá đơn (kèm theo hoá đơn mẫu) đến cơ quan Thuế quản lý trực tiếp, chậm nhất năm (05) ngày trước khi tổ chức kinh doanh bắt đầu sử dụng hóa đơn và trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày ký thông báo phát hành.

Khi thay đổi địa chỉ kinh doanh dẫn đến thay đổi cơ quan thuế quản lý trực tiếp, tổ chức kinh doanh phải gửi Thông báo phát hành hóa đơn đến cơ quan thuế nơi chuyển đến (trường hợp tổ chức kinh doanh tiếp tục sử dụng số hóa đơn đã phát hành chưa sử dụng hết thì phải nộp Báo cáo tình hình sử dụng hóa đơn cho cơ quan thuế nơi chuyển đi và đóng dấu địa chỉ mới lên hóa đơn, gửi đến cơ quan thuế nơi chuyển đến Bảng kê hóa đơn chưa sử dụng theo Mẫu 3.10 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC ).

+ Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ khai thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

Trường hợp khi nhận được Thông báo phát hành hoá đơn do tổ chức gửi đến, cơ quan Thuế phát hiện Thông báo không đảm bảo đủ nội dung theo đúng quy định thì trong thời hạn ba (03)ngày làm việc kể từ ngày nhận được Thông báo, cơ quan thuế phải có văn bản thông báo cho tổ chức biết. Tổ chức có trách nhiệm điều chỉnh để lập và gửi Thông báo phát hành hoá đơn mới.

**- Cách thức thực hiện**:

+ Trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+Hoặc gửi bằng văn bản điện tử qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ**:

**+ Thành phần hồ sơ**:

++ Thông báo phát hành hóa đơn theo *Mẫu TB01/AC* *ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC.*

++ Hoá đơn mẫu (đối với trường hợp thông báo phát hành lần đầu và các lần tiếp theo nếu có sự thay đổi về nội dung và hình thức hóa đơn phát hành).

+ Bảng kê hóa đơn chưa sử dụng theo Mẫu 3.10 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC (áp dụng đối với trường hợp tổ chức, hộ, cá nhân chuyển địa điểm kinh doanh).

**+ Số lượng hồ sơ**: 01 (bộ)

**- Thời hạn giải quyết**: Không phải trả kết quả cho người nộp thuế.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Chi cục Thuế.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

**- Lệ phí** (nếu có): Không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**:

+Thông báo phát hành hóa đơn theo *Mẫu TB01/AC* *ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC.*

+ Hoá đơn mẫu (đối với trường hợp thông báo phát hành lần đầu và các lần tiếp theo nếu có sự thay đổi về nội dung và hình thức hóa đơn phát hành).

+ Bảng kê hóa đơn chưa sử dụng theo Mẫu 3.10 Phụ lục 3 ban hành kèm theo Thông tư số 39/2014/TT-BTC (áp dụng đối với trường hợp tổ chức, hộ, cá nhân chuyển địa điểm kinh doanh).

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**(nếu có): trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

+ Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 của Chính Phủ;

##### + Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

*+ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*

*+ Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.*

**- *Mẫu biểu kèm theo***

****

**5. Báo cáo về việc nhận in/cung cấp phần mềm tự in hóa đơn**

**- Trình tự thực hiện**:

+ Bước 1. Tổ chức nhận in hóa đơn/cung ứng phần mềm tự in hóa đơn cho tổ chức kinh doanh hoặc Cục Thuế phải nộp báo cáo về việc nhận in/cung ứng phần mềm tự tin hóa đơn cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp theo Quý (Quý I nộp chậm nhất là ngày 30/4; Quý II nộp chậm nhất là ngày 30/7; Quý III nộp chậm nhất là ngày 30/10 và Quý IV nộp chậm nhất là ngày 30/01 của năm sau).

+ Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ khai thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

**- Cách thức thực hiện**:

+ Trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+Hoặc gửi bằng văn bản điện tử qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ**:

**+ Thành phần hồ sơ**: *Báo cáo về việc nhận in/cung cấp phần mềm tự in hóa đơn theo mẫu BC01/AC ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC.*

**+ Số lượng hồ sơ**: 01 (bộ)

**- Thời hạn giải quyết**: Không *phải* trả kết quả cho người nộp thuế.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Chi cục Thuế.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính**: Hồ sơ gửi đến cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

**- Lệ phí** (nếu có): Không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai**: *Báo cáo về việc nhận in/cung cấp phần mềm tự in hóa đơn theo mẫu BC01/AC ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC.*

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính**(nếu có): trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

+ Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 của Chính phủ quy định về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17/01/2014 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14/05/2010 của Chính Phủ;

##### + Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành Nghị định số 51/2010/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2010 và Nghị định số 04/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định về hoá đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.

*+ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*

*+ Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.*

***Mẫu biểu kèm theo***

****

**6. Khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài**

**- Trình tự thực hiện:**

**Bước 1**.Tổ chức làm đại lý tàu biển hoặc đại lý giao nhận vận chuyển hàng hóa cho các hãng vận tải nước ngoài (sau đây gọi chung là đại lý của hãng vận tải) có trách nhiệm khấu trừ và nộp thuế thay cho các hãng vận tải nước ngoài.

Hồ sơ khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài được nộp cho cơ quan thuế quản lý trực tiếp bên đại lý của hãng vận tải.

Khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài là *tạm nộp theo quý và quyết toán theo năm.*

**Bước 2**. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

+ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

+ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

+ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ khai thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

**- Cách thức thực hiện:**

+ Trực tiếp tại trụ sở cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua hệ thống bưu chính;

+ Hoặc gửi bằng văn bản điện tử qua cổng thông tin điện tử của cơ quan thuế.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**+ Thành phần hồ sơ:**

- Tờ khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài theo Mẫu số 01/VTNN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính.

- Bảng kê thu nhập vận tải quốc tế dành cho trường hợp doanh nghiệp khai thác tàu theo mẫu số 01-1/VTNN, Bảng kê thu nhập vận tải quốc tế dành cho trường hợp hoán đổi/chia chỗ theo mẫu số 01-2/VTNN, Bảng kê doanh thu lưu công-ten-nơ theo mẫu số 01-3/VTNN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

**+ Số lượng hồ sơ: 01 bộ.**

- **Thời hạn giải quyết:** Không *phải* trả kết quả cho người nộp thuế.

- **Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính:** Chi cục Thuế.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:** Hồ sơ gửi đến Cơ quan thuế không có kết quả giải quyết.

**- Lệ phí (nếu có): Không có**

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có):** Tờ khai thuế đối với hãng vận tải nước ngoài theo Mẫu số 01/VTNN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** trường hợp người nộp thuế lựa chọn và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế thông qua giao dịch điện tử thì phải tuân thủ đúng các quy định của pháp luật về giao dịch điện tử.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính**:

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

*+ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại* [*Nghị định*](http://vnaahp.vn/nghi-dinh-1062010nd-cp-bo-sung-nghi-dinh-852007nd-cp/) *12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*

+ Thông tư số 180/2010/TT-BTC ngày 10/11/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn giao dịch điện tử trong lĩnh vực thuế.

***- Mẫu biểu kèm theo***

************

## 10. Gia hạn nộp thuế

## - Trình tự thực hiện:

+ Bước 1. Người nộp thuế thuộc diện được gia hạn nộp thuế lập hồ sơ và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế.

+ Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

**- Cách thức thực hiện**:

- Trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

- Hoặc gửi qua đường bưu chính.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**\* Thành phần hồ sơ:**

+ Văn bản đề nghị gia hạn nộp thuế (tất cả các trường hợp gia hạn)

+ Tài liệu liên quan theo từng trường hợp cụ thể:

(a) Đối với trường hợp bị thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ thì phải có:

++ Biên bản kiểm kê, đánh giá giá trị vật chất thiệt hại do người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế lập;

++ Văn bản xác nhận về việc người nộp thuế có thiệt hại tại nơi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ và thời gian xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ của một trong các cơ quan, tổ chức sau: cơ quan công an; UBND cấp xã, phường; Ban quản lý Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế nơi xảy ra thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ hoặc tổ chức cứu hộ, cứu nạn;

++ Hồ sơ bồi thường thiệt hại được cơ quan bảo hiểm chấp nhận bồi thường (bản sao có công chứng hoặc chứng thực nếu có); hồ sơ quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải bồi thường (bản sao có công chứng hoặc chứng thực nếu có). Đối với người nộp thuế là pháp nhân thì các tài liệu nêu trên phải là bản chính hoặc bản sao có chữ ký của người đại diện theo pháp luật, đóng dấu của đơn vị.

(b) Đối với trường hợp phải ngừng hoạt động do di dời cơ sở sản xuất kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

++ Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh của người nộp thuế;

++ Đề án di dời, kế hoạch và tiến độ thực hiện di dời của người nộp thuế;

++ Tài liệu chứng minh người nộp thuế ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó xác định rõ thời điểm bắt đầu ngừng sản xuất kinh doanh, chi phí di dời, thiệt hại do di dời, ngừng sản xuất kinh doanh gây ra (nếu có).

(c) Đối với trường hợp khó khăn đặc biệt khác:

++ Văn bản của cơ quan thuế quản lý trực tiếp gửi cơ quan thuế cấp trên, trong đó: xácnhận khó khăn đặc biệt và những nguyên nhân gây ra khó khăn đó mà người nộp thuế không có khả năng nộp đúng hạn số tiền thuế nợ theo đề nghị, giải trình của người nộp thuế tại văn bản đề nghị gia hạn;

++ Bản sao các văn bản về gia hạn, xoá nợ, miễn thuế, giảm thuế đối với người nộp thuế của cơ quan thuế ban hành trong thời gian hai (02) năm trước đó (nếu có);

++ Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của người nộp thuế khi thực hiện quyết định (nếu có).

**\* Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ)

**- Thời hạn giải quyết:**

+ 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thuế quản lý trực tiếp phải thông báo bằng văn bản cho người nộp thuế hoàn chỉnh hồ sơ (nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định).

+ 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đề nghị gia hạn của người nộp thuế, cơ quan thuế ban hành thông báo không chấp thuận việc gia hạn nộp thuế hoặc Quyết định gia hạn nộp thuế.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Chi cục Thuế.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Thông báo không chấp nhận gia hạn nộp thuế mẫu số 04/GHAN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC;

+ Hoặc Quyết định gia hạn nộp thuế mẫu số 02/GHAN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

**- Lệ phí (nếu có):** không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có**): Văn bản đề nghị gia hạn nộp thuế theo Mẫu số 01/GHAN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** không có

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

*+ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại* [*Nghị định*](http://vnaahp.vn/nghi-dinh-1062010nd-cp-bo-sung-nghi-dinh-852007nd-cp/) *12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*

**Mẫu biểu kèm theo.**

****

**8. Không tính tiền chậm nộp/ Miễn tiền chậm nộp tiền thuế.**

**- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1. Người nộp thuế thuộc diện được miễn/không tính tiền chậm nộp tiền thuế, lập hồ sơ và gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

Thời hạn gửi hồ sơ đối với trường hợp Miễn tiền chậm nộp tiền thuế là 60 ngày kể từ ngày người nộp thuế gặp thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, dịch bệnh, bệnh hiểm nghèo hoặc trường hợp bất khả kháng khác.

Đối với trường hợp không tính tiền chậm nộp tiền thuế: Sau khi được ngân sách nhà nước thanh toán, người nộp thuế thực hiện nộp tiền thuế vào ngân sách nhà nước và thông báo cho cơ quan thuế theo mẫu số 02/TCN ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC để cơ quan thuế có cơ sở tính lại các khoản tiền thuế nợ, tiền chậm nộp và xác định chính xác số ngày không phải nộp tiền chậm nộp của người nộp thuế.

+ Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

Đối với trường hợp không tính tiền chậm nộp tiền thuế: Cơ quan thuế ban hành quyết định về việc kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế, thời gian kiểm tra tối đa là 03 ngày làm việc.

**- Cách thức thực hiện**

+ Trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc gửi qua đường bưu chính.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

**+ Thành phần hồ sơ:**

a) Trường hợp (1) Không tính tiền chậm nộp tiền thuế,hồ sơ gồm:

++ Văn bản xác nhận của đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước về việc người nộp thuế chưa được thanh toán theo mẫu số 01/TCN ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC;

++ Thông báo về việc nộp tiền vào NSNN theo Mẫu số 02/TCN ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC.

b) Trường hợp (2) Miễn tiền chậm nộp tiền thuế, hồ sơ gồm:

++ Văn bản đề nghị miễn tiền chậm nộp của người nộp thuế, trong đó có các nội dung chủ yếu sau: tên, mã số thuế, địa chỉ của người nộp thuế; căn cứ đề nghị xử lý miễn tiền chậm nộp; số tiền chậm nộp đề nghị miễn;

++ Tùy từng trường hợp, hồ sơ đề nghị miễn tiền chậm nộp phải có các tài liệu sau:

(\*) Trường hợp do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ, dịch bệnh, phải có:

- Biên bản xác định mức độ, giá trị thiệt hại về tài sản của cơ quan có thẩm quyền như Hội đồng định giá do Sở Tài chính thành lập, hoặc các công ty định giá chuyên nghiệp cung cấp dịch vụ định giá theo hợp đồng, hoặc Trung tâm định giá của Sở Tài chính;

- Văn bản xác nhận về việc người nộp thuế có thiệt hại tại nơi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ và thời điểm xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, dịch bệnh của một trong các cơ quan, tổ chức sau: công an cấp xã, phường hoặc UBND cấp xã, phường, Ban quản lý Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế nơi xảy ra thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ hoặc tổ chức cứu hộ, cứu nạn;

- Hồ sơ bồi thường thiệt hại được cơ quan bảo hiểm chấp nhận bồi thường (nếu có);

- Hồ sơ quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải bồi thường (nếu có).

(\*) Trường hợp cá nhân bị bệnh hiểm nghèo thì phải có xác nhận đã khám chữa bệnh trên sổ y bạ, thời điểm xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh được thành lập theo quy định của pháp luật; chi phí khám, chữa bệnh có đầy đủ chứng từ theo quy định; hồ sơ thanh toán chi phí khám, chữa bệnh của cơ quan bảo hiểm (nếu có).

(\*) Trường hợp bất khả kháng phải có tài liệu chứng minh nguyên nhân gây ra là do khách quan, bản thân người nộp thuế đã áp dụng hết các biện pháp nhưng không ngăn chặn được thiệt hại hoặc làm cho kết quả sản xuất kinh doanh lỗ.

**+ Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ)

**- Thời hạn giải quyết**: không quy định

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Chi cục Thuế.

**-** **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

**+** Trường hợp (1):

++ Thông báo về việc người nộp thuế không phải nộp tiền chậm nộp thuế.

++ Hoặc thông báo về việc người nộp thuế phải nộp tiền chậm nộp thuế (thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp) và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo quy định của pháp luật.

**+** Trường hợp (2): Quyết định miễn tiền chậm nộp mẫu số 01/MTCN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

**- Lệ phí (nếu có):** không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có**):

**+** Trường hợp (1):

++ Văn bản xác nhận của đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước về việc người nộp thuế chưa được thanh toán theo mẫu số 01/TCN ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC;

++ Thông báo về việc nộp tiền vào NSNN theo Mẫu số 02/TCN ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC.

**+** Trường hợp (2): không có.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

*+ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại* [*Nghị định*](http://vnaahp.vn/nghi-dinh-1062010nd-cp-bo-sung-nghi-dinh-852007nd-cp/) *12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*

***- Mẫu biểu kèm theo***

******

## (cũ chưa sửa)

## 7. Gia hạn nộp thuế

## - Trình tự thực hiện:

+ Bước 1. Người nộp thuế thuộc diện được gia hạn nộp thuế lập hồ sơ và gửi hồ sơ đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp người nộp thuế.

+ Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

**- Cách thức thực hiện**:

- Trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

- Gửi qua đường bưu chính.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

Thành phần hồ sơ, bao gồm:

+ Văn bản đề nghị gia hạn nộp thuế (tất cả các trường hợp gia hạn)

+ Tài liệu liên quan theo từng trường hợp cụ thể:

(a) Đối với trường hợp bị thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ thì phải có:

++ Biên bản kiểm kê, đánh giá giá trị vật chất thiệt hại do người nộp thuế hoặc người đại diện hợp pháp của người nộp thuế lập;

++ Văn bản xác nhận về việc người nộp thuế có thiệt hại tại nơi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ và thời gian xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ của một trong các cơ quan, tổ chức sau: cơ quan công an; UBND cấp xã, phường; Ban quản lý Khu công nghiệp; Khu chế xuất; Khu kinh tế nơi xảy ra thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ hoặc tổ chức cứu hộ, cứu nạn;

++ Hồ sơ bồi thường thiệt hại được cơ quan bảo hiểm chấp nhận bồi thường (bản sao có công chứng hoặc chứng thực nếu có); hồ sơ quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải bồi thường (bản sao có công chứng hoặc chứng thực nếu có). Đối với người nộp thuế là pháp nhân thì các tài liệu nêu trên phải là bản chính hoặc bản sao có chữ ký của người đại diện theo pháp luật, đóng dấu của đơn vị.

(b) Đối với trường hợp phải ngừng hoạt động do di dời cơ sở sản xuất kinh doanh theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền:

++ Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền về việc di dời cơ sở sản xuất, kinh doanh đối với người nộp thuế;

++ Đề án di dời, kế hoạch và tiến độ thực hiện di dời của người nộp thuế;

++ Tài liệu chứng minh người nộp thuế ngừng hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó xác định rõ thời điểm bắt đầu ngừng sản xuất kinh doanh, chi phí di dời, thiệt hại do di dời, ngừng sản xuất kinh doanh gây ra (nếu có).

(c) Đối với trường hợp khó khăn đặc biệt khác:

++ Văn bản của cơ quan thuế quản lý trực tiếp gửi cơ quan thuế cấp trên, trong đó: xácnhận khó khăn đặc biệt và những nguyên nhân gây ra khó khăn đó mà người nộp thuế không có khả năng nộp đúng hạn số tiền thuế nợ theo đề nghị, giải trình của người nộp thuế tại văn bản đề nghị gia hạn;

++ Bản sao các văn bản về gia hạn, xoá nợ, miễn thuế, giảm thuế đối với người nộp thuế của cơ quan thuế ban hành trong thời gian hai (02) năm trước đó (nếu có);

++ Quyết định của cơ quan nhà nước có thẩm quyền có ảnh hưởng đến sản xuất kinh doanh của người nộp thuế khi thực hiện quyết định (nếu có).

Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

**- Thời hạn giải quyết:**

+ 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ, cơ quan thuế quản lý trực tiếp phải thông báo bằng văn bản cho người nộp thuế hoàn chỉnh hồ sơ (nếu hồ sơ chưa đầy đủ theo quy định).

+ 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ đề nghị gia hạn của người nộp thuế, cơ quan thuế ra thông báo không chấp thuận việc gia hạn nộp thuế hoặc ban hành quyết định gia hạn nộp thuế.

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Chi cục Thuế.

**- Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

+ Thông báo không chấp nhận gia hạn nộp thuế mẫu số 04/GHAN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC;

+ Hoặc Quyết định gia hạn nộp thuế mẫu số 02/GHAN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

**- Lệ phí (nếu có):** không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có**): Văn bản đề nghị gia hạn nộp thuế theo Mẫu số 01/GHAN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** không có

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

*+ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại* [*Nghị định*](http://vnaahp.vn/nghi-dinh-1062010nd-cp-bo-sung-nghi-dinh-852007nd-cp/) *12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*

**8. Miễn tiền chậm nộp/không tính tiền chậm nộp tiền thuế.**

**- Trình tự thực hiện:**

+ Bước 1. Người nộp thuế thuộc diện được miễn/không tính tiền chậm nộp tiền thuế, lập hồ sơ và gửi đến cơ quan thuế quản lý trực tiếp.

+ Bước 2. Cơ quan thuế thực hiện tiếp nhận:

++ Trường hợp hồ sơ được nộp trực tiếp tại cơ quan thuế, công chức thuế tiếp nhận và đóng dấu tiếp nhận hồ sơ, ghi thời gian nhận hồ sơ, ghi nhận số lượng tài liệu trong hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được gửi qua đường bưu chính, công chức thuế đóng dấu ghi ngày nhận hồ sơ và ghi vào sổ văn thư của cơ quan thuế.

++ Trường hợp hồ sơ được nộp thông qua giao dịch điện tử, việc tiếp nhận, kiểm tra, chấp nhận hồ sơ khai thuế do cơ quan thuế thực hiện thông qua hệ thống xử lý dữ liệu điện tử.

+ Bước 3. Kiểm tra tại trụ sở của NNT

++ Trường hợp (1) không tính tiền chậm nộp tiền thuế:

Cơ quan thuế ban hành quyết định về việc kiểm tra tại trụ sở của người nộp thuế, thời gian kiểm tra tối đa là 03 ngày làm việc.

++Trường hợp (2) miễn tiền chậm nộp tiền thuế: không quy định

**- Cách thức thực hiện**

+ Trực tiếp tại trụ sở Cơ quan thuế;

+ Hoặc Gửi qua đường bưu chính.

**- Thành phần, số lượng hồ sơ:**

+ Thành phần hồ sơ, bao gồm:

a) Trường hợp (1) hồ sơ gồm: Văn bản xác nhận của đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước về việc người nộp thuế chưa được thanh toán theo mẫu số 01/TCN ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC.

b) Trường hợp (2) hồ sơ gồm:

++ Văn bản đề nghị miễn tiền chậm nộp của người nộp thuế, trong đó có các nội dung chủ yếu sau: tên, mã số thuế, địa chỉ của người nộp thuế; căn cứ đề nghị xử lý miễn tiền chậm nộp; số tiền chậm nộp đề nghị miễn;

++ Tùy từng trường hợp, hồ sơ đề nghị miễn tiền chậm nộp phải bổ sung các tài liệu sau:

(\*) Trường hợp do thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ, dịch bệnh, phải có:

+++ Biên bản xác định mức độ, giá trị thiệt hại về tài sản của cơ quan có thẩm quyền như Hội đồng định giá do Sở Tài chính thành lập, hoặc các công ty định giá chuyên nghiệp cung cấp dịch vụ định giá theo hợp đồng, hoặc Trung tâm định giá của Sở Tài chính;

+++ Văn bản xác nhận về việc người nộp thuế có thiệt hại tại nơi xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ và thời điểm xảy ra thiên tai, hỏa hoạn, tai nạn bất ngờ, dịch bệnh của một trong các cơ quan, tổ chức sau: công an cấp xã, phường hoặc UBND cấp xã, phường, Ban quản lý Khu công nghiệp, Khu chế xuất, Khu kinh tế nơi xảy ra thiên tai, hoả hoạn, tai nạn bất ngờ hoặc tổ chức cứu hộ, cứu nạn;

+++ Hồ sơ bồi thường thiệt hại được cơ quan bảo hiểm chấp nhận bồi thường (nếu có);

+++ Hồ sơ quy định trách nhiệm của tổ chức, cá nhân phải bồi thường (nếu có).

(\*) Trường hợp cá nhân bị bệnh hiểm nghèo thì phải có xác nhận đã khám chữa bệnh trên sổ y bạ, thời điểm xác nhận của cơ sở khám chữa bệnh được thành lập theo quy định của pháp luật; chi phí khám, chữa bệnh có đầy đủ chứng từ theo quy định; hồ sơ thanh toán chi phí khám, chữa bệnh của cơ quan bảo hiểm (nếu có).

(\*) Trường hợp bất khả kháng phải có tài liệu chứng minh nguyên nhân gây ra là do khách quan, bản thân người nộp thuế đã áp dụng hết các biện pháp nhưng không ngăn chặn được thiệt hại hoặc làm cho kết quả sản xuất kinh doanh lỗ.

Số lượng hồ sơ: 01 (bộ)

**- Thời hạn giải quyết**: không quy định

**- Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:** Tổ chức, cá nhân.

**- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính**: Chi cục Thuế.

**-** **Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:**

**+** Trường hợp (1):

++ Thông báo về việc người nộp thuế không phải nộp tiền chậm nộp thuế.

++ Hoặc thông báo về việc người nộp thuế phải nộp tiền chậm nộp thuế (thông báo tiền thuế nợ, tiền phạt và tiền chậm nộp) và cưỡng chế thi hành quyết định hành chính thuế theo quy định của pháp luật.

**+** Trường hợp (2): Quyết định miễn tiền chậm nộp mẫu số 01/MTCN ban hành kèm theo Thông tư số 156/2013/TT-BTC.

**- Lệ phí (nếu có):** không

**- Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai (nếu có**):

**+** Trường hợp (1): Văn bản xác nhận của đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước về việc người nộp thuế chưa được thanh toán theo mẫu số 01/TCN ban hành kèm theo Thông tư số 26/2015/TT-BTC;

**+** Trường hợp (2): không có.

**- Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có):** Không.

**- Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:**

+ Luật Quản lý thuế số 78/2006/QH11 ngày 29 tháng 11 năm 2006; Luật số 21/2012/QH12 ngày 20 tháng 11 năm 2012 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật số 71/2014/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế;

+ Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 01 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;

+ Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quản lý thuế và Nghị định số 83/2013/NĐ-CP ngày 22 tháng 7 năm 2013 của Chính phủ;

*+ Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại* [*Nghị định*](http://vnaahp.vn/nghi-dinh-1062010nd-cp-bo-sung-nghi-dinh-852007nd-cp/) *12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về Thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 39/2014/TT-BTC ngày 31/03/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ.*